

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP MẪU GIÁO 5 TUỔI

Đơn vị : Trường Mầm non Cà Cang

Năm học: 2025- 2026

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	- Trẻ biết thực hiện đúng thuần thực các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: + Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. +Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân; + Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng	- Đi khuyu gối. - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi trên dây (Dây đặt trên sàn) - Đi trên ván kê dốc. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.	1,2,3, 4,6,9

	người trong 10 giây.		
3	Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh.	3,5,8
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.	- Tung bóng lên cao và bắt(bắt bóng bằng 2 tay) - Đập bắt bóng tại chỗ. - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay (Đích đứng). - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân. - Đi và đập bắt bóng.	3,4,7,9
5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	- Chạy 18 m trong 10 giây - Chạy chậm khoảng 100 - 120m - Trèo lên, xuống 7 giống thang - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay (Đích ngang). - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40-50cm. - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô - Bật - nhảy từ trên cao xuống (40- 45 cm). - Bật qua vật cản 15- 20 cm - Bò đích dắc qua 7 điểm. - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m; - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.	1,2,3,4,5,6,7,8,9
6	- Trẻ biết tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	- Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp ngủ, gật...	4,8,9
7	Trẻ thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ nắn.	1,6,7,9

	tay.		
8	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya)	- Lắp ráp. - Cắt đường vòng cung. - Đồ theo nét. - Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luồn	1,5,8,9
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
9	- Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2
10	- Trẻ biết sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.	- Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.	2,9
11	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	3,9
12	- Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2
13	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Trẻ biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.	- Tập luyện kỹ năng thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.	1

	- Trẻ đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch. - Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn;		
14	- Trẻ biết Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.	- Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.	5,8
15	- Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Làm quen với một số đồ dùng ăn uống.	3
16	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: - Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Trẻ không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Trẻ không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường	- Trẻ mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	2
17	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ: Đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết, - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	2,8
18	- Trẻ biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc	- Kể được một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá - Thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá bằng lời nói hoặc hành động	7

19	- Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	4,6,7
20	- Trẻ biết Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm - Trẻ biết Bảo vệ môi trường, cảnh quan nhà trường	- Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học. - Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi	3
21	- Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng.	4,8
22	- Trẻ nhận biết được các khu vực an toàn có thể lánh nạn khi xảy ra thiên tai	- Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai. - Khu vực an toàn/ nơi sơ tán gần trường học nhất.	1
23	- Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	- Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	3
24	- Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Trẻ biết tránh một số trường	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Trẻ xem tranh ảnh, video dạy kỹ năng sống cho trẻ	1,4

	hợp không an toàn.: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.		
25	Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Trẻ biết Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Trẻ biết Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	- Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	1,7
26	- Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	- Tập luyện kỹ năng: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	3
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
27	- Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Sự khác nhau giữa mặt trời, mặt trăng. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	5,8
28	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả - So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	2,5,6

	của đối tượng.		
29	- Trẻ biết được Sự thay đổi bất thường về thời tiết của mùa xuân: - Trẻ nhận ra ảnh hưởng BDKH đến ngày Tết	- Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột. - Ảnh hưởng BDKH đến ngày Tết: cuối mùa đông đầu mùa xuân không còn lạnh, nhiều ngày nắng dẫn đến hoa nở sớm, thời tiết những ngày nắng cũng dễ làm ôi thiu bánh chưng, giò và các đồ ăn khác.	8
30	Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, tính chất của nước: Trẻ nhận biết biết tên gọi, đặc điểm, các hiện tượng thiên nhiên (bão, lũ lụt, mưa đá, giông, sét...):	- Đặc điểm. - Tính chất của nước. - Sự ô nhiễm nguồn nước - Cách bảo vệ nguồn nước - Tên gọi - Đặc điểm - Quá trình hình thành/xuất hiện - Ảnh hưởng tới con người và tự nhiên	8
31	- Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.	6,8
32	Trẻ nhận biết, Tên gọi, đặc điểm, cách chăm sóc và bảo vệ động vật khi có thiên tai - Môi quan hệ của động vật với BDKH và thiên tai:	- Môi trường sống - Cách chăm sóc, bảo vệ khi chuẩn bị có thiên tai + Ảnh hưởng của BDKH và thiên tai đối với đời sống động vật: ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh.(qua tranh ảnh, video...) + Động vật nuôi là một trong những nguyên nhân gây ra hiệu ứng nhà kính: do chất thải động vật. (qua tranh ảnh, video...)	5,8
33	- Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. - Trẻ nhận biết được một số	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu	1,4,7

	phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.	hiệu.	
34	- Trẻ phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.	1,3,6
35	- Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	1,3,5,6
36	- Trẻ nhận biết được ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động phương tiện giao thông - Trẻ nhận ra được ảnh hưởng của các PTGT đối với môi trường	- Các hình ảnh gây ách tắc giao thông, hỏng công trình đường bộ cầu cống, hỏng các phương tiện giao thông. - Ô nhiễm môi trường không khí, gây nên hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng tới sức khỏe con người.	7,8
37	- Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát	- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	5,8
38	- Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác.	9
39	- Trẻ biết được một số đặc điểm về thực vật - Mối quan hệ của thực vật với BDKH và thiên tai.	- Tên gọi - Đặc điểm. - Quá trình phát triển - Cách trồng và chăm sóc + Ảnh hưởng của thiên tai đối với thực vật: làm hoa dập nát, hoa chết, bị chôn vùi, không phát triển được, nhiều loại sâu bệnh. + Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường.	6,8
40	- Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo	2,7

	nhạc và tạo hình...	hình.	
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
41	- Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10	4,7,9
42	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	3,4,6,7,9
43	- Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10	3,4,7,9
44	- Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	1,2,3,5,6,7
45	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	3,4,6,7,9
46	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và đếm.	3,4,6,7,9
47	- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe....)	2
48	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp.	5
49	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	5
50	- Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Nhận ra quy tắc sắp xếp sẵn của các đối tượng và tiếp tục theo quy tắc đó.	5
51	- Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	5,8,4

52	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế - Tạo ra một số hình học phẳng bằng các cách khác nhau	1
53	- Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2
54	- Trẻ gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm nay, hôm qua, ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần	8
c) Khám phá xã hội			
55	- Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2
56	- Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.	3,4
57	- Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình	3
58	Trẻ biết được các hoạt động của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế BDKH. Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình.	- Không vứt rác bừa bãi, sử dụng đồ dùng thân thiện với môi trường - Hạn chế sử dụng túi nilon - Trồng nhiều cây xanh quanh nhà	3
59	- Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.	1
60	- Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên	1
61	- Trẻ nói họ tên và đặc điểm	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt	1

	của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.	động của trẻ ở trường.	
62	- Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. ví dụ: nói "nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	4
63	- Trẻ nhận biết một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH - Trẻ biết một số nghề khác: mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường	- Xem tranh ảnh các nghề: dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ cứu nạn,... - Khai thác tài nguyên, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu; nước thải, khí thải của hoạt động sản xuất, sử dụng hóa chất, thuốc kích thích tăng trưởng...là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, dẫn đến sự BĐKH và thiên tai gia tăng	4
64	- Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: "Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...".	- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.	1,2,4, 6,7,9
65	- Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	9
66	- Trẻ nhận biết được một số thắng cảnh - Trẻ có ý thức bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên	- Thắng cảnh: Quá trình hình thành địa hình Trái Đất tạo ra các hang động, bãi biển, đồi núi, những cảnh đẹp của quê hương. - Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra.	9
3. Lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ			
67	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp	1,2,5, 7

	bằng chữ H đứng sang bên trái”.		
68	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	1,2,3, 4,5,7, 8,9
69	- Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9
70	- Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.	7,8,9
71	- Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có? Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	4,7
72	- Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	1,2
73	- Trẻ miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái ... của nhân vật.	- Kể lại sự việc theo trình tự.	3,6,9
74	- Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1,2,3, 4,5,6, 7,8
75	- Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	9
76	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch	9
77	- Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1,3,8

	huống.		
78	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	3,4,6
79	- Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	2,4,5,8
80	- Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.	9
81	- Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	1,2,3,4,5,6,7,8
82	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1,4,7
83	- Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ	1,2,3,4,5,6,7,8,9
84	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	1,2,3,4,5,6,7,8,9
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kĩ năng xã hội.			
85	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Tên, tuổi, giới tính.	2,3
86	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.	2
87	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2

88	- Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	1,3
89	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	1,3,6
90	- Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).	1,4,7,9
91	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác.	4,5,6,9
92	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	2,3,5,8
93	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	5,6,8
94	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	3,4
95	- Trẻ biết Chia sẻ, cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai.	- Các hình ảnh trao quà hoặc hỗ trợ cho trẻ vùng thiên tai	8
96	- Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	2,4,5
97	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	9
98	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng	- Qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	9

	cô kể chuyện về Bác Hồ.		
99	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9
100	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).	1,3,7
101	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	1,2,4,5,6,7
102	- Trẻ không nói tục chửi bậy	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	3
103	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác.	1,4,5,6,7,9
104	- Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận	1,4,6,7,9
105	- Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	3,7
106	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu”.	2,4,7,8
107	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6

108	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	1,3,6,8
109	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	8
110	- Trẻ tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước.	1,2,8,9

5. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ.

111	- Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	2,3,4,5,6,7,8
112	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1,2,3,4,5,6,8,9
113	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Biết sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	1,3,4,5,6
114	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca,	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc	1,2,3,

	hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	thái, tình cảm của bài hát.	4,5,6, 7,8,9
115	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu. Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9
116	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm	1,3,5, 8,9
117	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9
118	- Trẻ biết Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1,2,6, 7,8,9
119	- Trẻ biết Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng và bố cục cân đối	2,4,5
120	- Trẻ biết Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	2,3,5, 6,9
121	- Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1,2,4, 5,6,8, 9
122	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động,	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc	3,4,7, 8

	hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	yêu thích.	
123	- Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng dụng cụ gõ đệm theo tiết tấu tự chọn.	1,2,3, 4,5,6, 7,9
124	- Trẻ đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	7,8
125	- Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	1,7,9
126	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	2,5,7, 8

Người lập

Lương Thị Dung**Tổ Trưởng**

Lương Thị Phóng**Ký duyệt BGH**

Lê Thị Nhân

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (Tháng, từ ngày...đến ngày...)	Stt	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh Bổ sung
08/09/2025- 03/10/2025 08/09/2025- 12/09/2025 15/09/2025- 19/09/2025 22/09/2025- 26/09/2025 29/09/2025- 03/10/2025	1	Trường Mầm non	- Trường mầm non của bé - Lớp học của bé - Cô giáo và các bạn - Đồ dùng đồ chơi của lớp	4 Tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Ngày hội đến trường của bé (05/09)	
06/10/2025 - 31/10/2025 06/10/2025 - 10/10/2025 13/10/2025- 17/10/2025 20/10/2025 - 24/10/2025 27/10/2025 - 31/10/2025	2	Bản Thân- Tết Trung thu	- Bé vui tết trung thu - Bé là ai - Cơ thể kỳ diệu của bé - Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh?	4 Tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Bé vui trung thu (06/10) - Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	
03/11/2025 - 28/11/2025 03/11/2025 - 07/11/2025 10/11/2025 - 14/11/2025 17/11/2025 - 21/11/2025 24/11/2025 - 28/11/2025	3	Gia đình - ngày hội của cô giáo	- Ngôi nhà của bé - Những người thân trong gia đình - Ngày hội của cô giáo - Đồ dùng trong gia đình	4 Tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Ngày nhà giáo việt nam 20/11	
01/12/2025 - 26/12/2025 01/12/2025 - 05/12/2025 08/12/2025 - 12/12/2025 15/12/2025 - 20/12/2025 22/12/2025 - 26/12/2025	4	Bé biết bao nhiêu nghề	- Bé yêu bác nông dân - Bé tập làm bác sĩ - Các nghề phổ biến - Ngày thành lập quân đội nhân dân VN 22/12	4 Tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Ngày thành lập QĐND Việt Nam (22/12)	
29/12/2025- 23/01/2026 29/12/2025 - 02/01/2026 05/01/2026 - 09/01/2026 12/01/2025 - 16/01/2026 19/01/2026 - 23/01/2026	5	Thế giới động vật	- Động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống trong rừng - Động vật sống dưới nước - Một số loại chim, côn trùng	4Tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần		
26/01/2026 - 27/02/2026 26/01/2026 - 30/01/2026 02/02/2026 - 06/02/2026 09/02/2026 - 13/02/2026 (14/02/2026-22/02/2026) 23/02/2026 - 27/02/2026	6	Thế giới Thực vật - Tết và mùa xuân	- Cây xanh quanh bé - Một số loại hoa - Ngày tết bản em Nghỉ tết nguyên đán - Một số loại rau, củ quả	4 Tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Bé vui đón tết (14/02-22/02)	

Nghỉ tết nguyên đán (14/02/2026-22/02/2026)						
02/03/2026 - 27/03/2026 02/03/2026 - 06/03/2026 09/03/2026 - 13/03/2026 16/03/2026 - 20/03/2026 23/03/2026 - 27/03/2026	7	Phương tiện và luật giao thông	- Quy định và PT GT đường bộ - Ngày hôn 08/03 - PT GT đường thủy - PT GT đường hàng không	4 Tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Ngày quốc tế phụ nữ (08/03)	
30/03/2026 - 17/04/2026 30/03/2026 - 03/04/2026 06/04/2026 - 10/04/2026 13/04/2026 - 17/04/2026	8	Nước và các hiện tượng tự nhiên	- Tìm hiểu về Nước - Một số hiện tượng tự nhiên - Các mùa trong năm	3 Tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	Giỗ tổ Hùng Vương (07/04)	
20/04/2026 - 15/05/2026 20/04/2026 - 24/04/2026 27/04/2026 - 29/04/2026 (30/04 - 01/05 nghỉ lễ) 04/05/2026 - 08/05/2026 11/05/2026 - 15/05/2026	9	Quê hương, đất nước, Bác Hồ, Trường tiểu học	- Đất nước Việt nam - Di tích lịch sử quê em Điện Biên Phủ - Bác Hồ kính yêu. - Bé chuẩn bị lên lớp 1	4 Tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Ngày giải phóng miền nam 30/04 - Ngày quốc tế lao động 01/05 - Ngày giải phóng Điện Biên 07/05 - Sinh nhật Bác Hồ 19/05	
Tổng				35 tuần		

Người lập



Lương Thị Dung

Tổ Trưởng



Lương Thị Phóng

Ký duyệt của BGH




Lò Thị Chân